

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/HSST

Ngày: 18-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Lò Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Trọng Cảnh.

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

3. Ông Sần Tài Vần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2017/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 69/2017/HSST ngày 06/7/2017 đối với bị cáo:

Nạ Văn N (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1974, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Khơ Mú; con ông: Nạ Văn P và bà: Lò Thị A; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/9/2016 đến nay. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Lò Thị B, sinh năm: 1994; trú tại: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lò Văn S, sinh năm: 1954. Có mặt.

2. Bà Lò Thị A, sinh năm: 1962. Có mặt.

Ông Lò Văn S và bà Lò Thị A cùng trú tại: Bản M, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người bào chữa cho bị cáo Nạ Văn N: Ông Phạm Đình Khôi - Luật sư, Văn phòng Luật sư Thái Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, bị cáo Nạ Văn N chung sống với chị Lò Thị B như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Từ năm 2015, chị B nhiều lần bỏ nhà đi Hà Nội và về nhà bố mẹ đẻ. Đến ngày 12/9/2016, bị cáo và chị B cùng con út sang nhà bố mẹ vợ chơi (Nhà ông Lò Văn S và bà Lò Thị A) sau đó N bảo vợ con về nhưng chị B không về và không cho N mang con về. Do bức tức nên N đã nảy sinh ý định dùng thuốc nổ để giết vợ và tự sát. Ngày 20/9/2016, N mua của Lò Văn G hai gói thuốc nổ và hai kíp nổ, dây cháy chậm, dây điện hết 100.000 đồng với mục đích tự chế 02 quả mìn để thực hiện ý đồ giết vợ và tự sát. N còn hỏi G cách để tăng tính sát thương của mìn tự chế. Ngày 23/9/2016, N cùng Mòng Văn H ở cùng bản chặt đoạn sắt phi 6 dài 20 cm thành từng đoạn nhỏ nhưng N không nói cho H biết dùng vào việc gì. Sau đó, N dùng 02 chai nhựa, mỗi chai cắt đi 1/3 rồi cho vào mỗi chai một gói thuốc nổ, củi gỗ giã nhỏ trộn với thuốc nổ cùng với bi sắt và các đoạn sắt đã cắt nhỏ để tăng tính sát thương. N nén chặt lại, dùng dao khoét một lỗ ở giữa chai để đút kíp nổ rồi lấy nilon quấn chặt lại.

Sáng ngày 24/9/2016, N đi xe máy đến nhà ông Lò Văn S mang theo 02 quả mìn tự chế. Đến nơi, N gói 02 quả mìn trong chiếc quần đen và giấu ở đồng củi dưới gầm sàn nhà ông S thì bị vợ chồng ông S phát hiện. Ông S đã giao 02 quả mìn cho Đồn Công an L. Đến chiều N bảo chị B đưa con cùng về nhà nhưng chị B không đồng ý, N xuống sàn tìm 02 quả mìn không thấy đâu nên đi xe về nhà tiếp tục lên kế hoạch giết vợ và tự sát. Ngày 25/9/2016, N gọi điện thoại cho Quảng Văn X để mua 02 gói thuốc nổ. Sau khi được X đưa cho 02 gói thuốc nổ, N đến nhà Nạ Văn T xin 02 kíp nổ (01 kíp đốt bằng dây cháy chậm và 01 kíp kích nổ bằng điện) mang về nhà.

Sáng ngày 26/9/2016, N tự chế thành 02 quả mìn như cách thức đã làm lần đầu rồi lấy quả mìn có kíp điện giắt vào cặp quần trước bụng, luồn dây điện theo đường cúc áo lên cổ, để hở đầu dây điện ra ngoài để có thể kích nổ bằng một cục pin tiêu. N đưa cho H quả mìn có kíp đốt nhờ cất hộ, còn quả mìn có kíp điện N để trong người rồi đi xe máy đến nhà ông S. Ý định của N là gặp chị B để bảo chị B cùng con đi về nhà, nếu chị B không đồng ý thì N sẽ rủ chị B ra bãi đất trống cạnh nhà vệ sinh, có tà ly âm cách xa nhà ông S khoảng 17 đến 18 mét thì kích nổ để giết vợ và tự sát. Hồi 15 giờ cùng ngày, khi gần đến nhà ông S thì N bị cơ quan công an bắt quả tang và thu giữ quả mìn N tự tạo, 01 pin tiêu, 01 dây điện màu xanh dài 1,2 mét.

Ngày 26/9/2016, cơ quan công an đã ra lệnh khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nạ Văn N và thu giữ được 03 đoạn dây cháy chậm: 01 đoạn có chiều dài 11,8cm, đường kính 0,5cm; 01 đoạn có chiều dài 3,2cm, đường kính 0,5cm; 01 đoạn có chiều dài 1,6cm, đường kính 0,5cm; 01 đoạn tre dài 12,2cm, đường kính 0,6cm, một đầu cắt vuông, một đầu vót nhọn.

Ngày 27/9/2016, Mòng Văn H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đ quả mìn N đưa cho H có gắn kíp nổ đã nhồi dây cháy chậm.

Ngày 27/9/2016, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Quảng Văn X thu giữ: 04 thỏi thuốc nổ và 01 đoạn dây cháy chậm có chiều dài 11,8cm, đường kính 0,3cm.

Tại bản Kết luận giám định số: 686/GĐ-PC54 ngày 30/9/2016 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“- 02 (hai) thỏi màu nâu gửi giám định là thuốc nổ Amônít có trọng lượng 200 gam, còn sử dụng được.

- 01 (một) bọc nylon màu trắng bên trong chứa bột màu nâu là thuốc nổ Amônít có trọng lượng 300 gam, còn sử dụng được, có tính sát thương cao.

- 02 (hai) phần chai nhựa bên trong có chứa chất bột màu nâu là thuốc nổ Amônít, còn sử dụng được phần chai thứ nhất có trọng lượng 300 gam, phần chai thứ hai có trọng lượng 350 gam, có tính sát thương cao.

- 04 (bốn) kíp vỏ nhôm và 02 (hai) đoạn dây cháy chậm còn sử dụng được.”

Tại bản Kết luận giám định số: 221 ngày 23/02/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“Trọng lượng thuốc nổ Amonit có trong các mẫu gửi giám định là 798 gam; trọng lượng các mảnh kim loại có trong các mẫu gửi giám định là 270 gam.”

Tại bản Cáo trạng số: 14/QĐ-VKS-P2 ngày 30/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố đối với bị cáo Nạ Văn N về tội "Giết người" theo điểm 1 khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nạ Văn N về tội “Giết người”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm 1 khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 17, khoản 1 và khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định có lợi cho người phạm tội, khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nạ Văn N với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù; miễn hình phạt bổ sung; buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nạ Văn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và kết luận của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo. Về vật chứng, do Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo cần trả lại cho bị cáo vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bị hại - chị Lò Thị B vắng mặt tại phiên tòa. Tại các bút lục có trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 189 đến 203) chị Lò Thị B khai nhận như lời khai của bị cáo Nạ Văn N và đề nghị xem xét xử lý hành vi vi phạm của Nạ Văn N theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn S và bà Lò Thị A không có đề nghị gì về bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Trong quá trình chung sống giữa bị cáo Nạ Văn N và chị Lò Thị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau do chị Lò Thị B nhiều lần bỏ nhà đi. Vào ngày 24/9/2017 và ngày 26/9/2017, tại bản M, xã L, huyện Đ, bị cáo đã 02 lần chuẩn bị thuốc nổ, tự chế mìn và lên kế hoạch hành động để giết vợ và tự sát nhưng đều chưa thực hiện được thì bị cơ quan công an phát hiện, ngăn chặn kịp thời, thu giữ phương tiện, công cụ phạm tội.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/9/2016; Kết luận giám định số: 686/GĐ-PC54 ngày 30/9/2016; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung bị can; Bản tự khai của bị cáo; Biên bản ghi lời khai của người bị hại; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nạ Văn N đã phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nạ Văn N về tội “*Giết người*” theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Về tính chất vụ án: Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sống của chị Lò Thị B, làm mất

trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải bị xử lý nghiêm.

Về tình tiết định khung hình phạt: Do bị cáo đã dùng mìn tự tạo để thực hiện hành vi phạm tội nên đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết khác: Bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội giết người nên phải chịu tình tiết tăng nặng *“Phạm tội nhiều lần”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48/BLHS.

Do bị cáo chuẩn bị phạm tội thì bị phát hiện nên được áp dụng khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị xử phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù Chung thân hoặc Tử hình. Theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015 quy định: *“Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”* áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 1999, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị hại không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, người bị hại vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không giải quyết trong vụ án này. Khi người bị hại có yêu cầu về phần bồi thường thiệt hại sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Bộ luật Hình sự. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

Nhưng do nghề nghiệp của bị cáo là làm nương nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 3 Điều 93 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với chiếc xe máy và điện thoại di động, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với các tài sản khác không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với mìn và thuốc nổ, Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Thành đội thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Trong hồ sơ thể hiện: Người đàn ông tên Lò Văn G, trú tại bản S, xã K, huyện Đ là người bán 02 gói thuốc nổ cho bị cáo, qua điều tra chưa xác định được nguồn gốc của thuốc nổ nên sẽ điều tra làm rõ và xử lý sau, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với Quàng Văn X là người bán thuốc nổ cho bị cáo, do X không biết mục đích N mua thuốc nổ để làm gì, số lượng thuốc nổ X tàng trữ khi khám xét thu giữ không đủ trọng lượng để xử lý hình sự nên không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với Nạ Văn T là người được bị cáo gửi cầm hộ 02 kíp điện. Khi bị cáo đến gặp T lấy lại 02 kíp điện nhưng không nói cho bị cáo mục đích dùng 02 kíp điện vào việc gì nên không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với Mòng Văn H là người chứng kiến N chặt thanh sắt phi 6 thành nhiều mảnh nhỏ để chế tạo mìn, cũng là người được N gửi cầm hộ 01 quả mìn tự tạo, H đã đem đi cất dấu nhưng không biết mục đích N chế tạo mìn để làm gì nên không đề cập xử lý đối với Mòng Văn H, Hội đồng xét xử cũng không đặt vấn đề giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nạ Văn N phạm tội “*Giết người*”.

2. Áp dụng: Điểm 1 khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 17, khoản 1, 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 1999, khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nạ Văn N 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2016.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự:

*** Tịch thu bán hóa giá, sung quỹ Nhà nước:**

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha SIRUS RC màu đen-đỏ-trắng; biển số 27B1-350.70; số máy 5C6H-147790; số khung: RLCS5C6HOFY147778 (không có gương chiếu hậu bên phải, xe trầy xước nhiều chỗ) xe đã qua sử dụng, không kiểm tra động cơ bên trong.

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu đen, số IMEL: 357276/05/619188/0; IMEL: 357276/05/619189/8 đã qua sử dụng.

*** Trả lại cho bị cáo:**

- 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng, không xác định trọng lượng.

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng, không xác định trọng lượng.

- 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nạ Văn N số DT 2110800400603 do BHXH tỉnh Điện Biên cấp ngày 26/6/2016.

- 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 040384390 mang tên Nạ Văn N.

- 01 (một) giấy phép lái xe, mang tên Nạ Văn N.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành tổng cộng: 5.992.000 đồng (Năm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

*** Tịch thu và tiêu hủy:**

- 01 (một) giấy bảo hiểm xe máy số 007184342 mang tên Nạ Văn N do Công ty bảo hiểm bảo việt cấp ngày 02/01/2016.

- 01 (một) bảo hiểm xe máy số 52152761 mang tên Nạ Văn N do công ty bảo hiểm Petrolimex cấp ngày 02/01/2016.

- 01 (một) đăng ký xe máy số 026133 mang tên Nạ Văn N.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/5/2017 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên).

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nạ Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần quyền và nghĩa vụ liên quan đến mình). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi người bị hại cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Người bị hại;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn